

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38 /2021/HNGĐ - ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2021

“ *V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con chung* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Lương Thị T**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Dương Thị Thu H** – HPN xã Cẩm Ninh
Ông **Trịnh Đình Đ** – Giáo viên

Thư ký phiên toà: Ông **Dương Mạnh Hùng** – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị H** - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2021 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/DSST - QĐXX ngày 08/9/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị S SN 1990**
Trú tại: Bản Củng, Ta Gia, Than Uyên, Lai Châu
- *Bị đơn:* Anh **Nghiêm Văn Kết Đ SN 1987**
Trú tại: Ninh Đạo, Tân Phúc, Ân Thi, Hưng Yên
- *Người có quyền lợi liên quan:* Cháu **Nghiêm Chí Q SN 2017**
- *Người đại diện cho cháu Q:* Anh **Đ**
Các đương sự đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/4/2020 và lời khai của chị S và anh Đ trong quá trình tố tụng thể hiện như sau:

Chị Hà Thị S và anh Nghiêm Văn Kết Đ tự tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ta Gia, Than Uyên, Lai Châu vào năm 2016. Trong cuộc sống vợ chồng chị Hà, anh Đ có nhiều mâu thuẫn nảy sinh. Theo chị Hà trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tập trung kinh tế, tiền của ai người đó sử dụng, cuộc sống hàng ngày mỗi người một quan điểm, cách nghĩ khác nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân được khoảng một năm nay và không ai quan tâm đến ai. Chị S xác định không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Theo anh

Đ trình bày thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó do không thống nhất được với nhau về tiền bạc, sau khi chị S đi học nâng cao ở tỉnh có biểu hiện không chung tình, anh Đ đã thẳng thắn góp ý nhưng chị S lại tỏ thái độ bất cần, không thay đổi, tháng 06/2020 anh Đ về quê sinh sống, vợ chồng sống ly thân, trong thời gian ly thân anh vẫn quan tâm đến chị S còn chị S không quan tâm đến anh. Bản thân anh xác định tình cảm vẫn còn nên không nhất trí ly hôn với chị S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nghiêm Chí Q, sinh ngày 10/01/2017. Vợ chồng ly hôn, cả chị S và anh Đ đều có nguyện vọng nuôi con chung, tuy nhiên nếu được nuôi con, chị S không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, còn anh Đ có yêu cầu chị S có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị S, anh Đ đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện gia đình anh Đ trình bày: Anh Đ, chị S quen nhau ở Lai Châu, sau một thời gian tìm hiểu thì hai bên có nguyện vọng tiến tới hôn nhân nên gia đình đã tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại xã Ta Gia, Than Uyên, Lai Châu theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng anh Đ làm ăn ở Lai Châu thì thoáng mới về gia đình, thời gian chị S sinh con, gia đình cũng lên chăm sóc cho mẹ con chị S và thấy vợ chồng ăn ở với nhau bình thường. Sau một thời gian anh Đ có nói với gia đình muốn về quê làm ăn, sinh sống và nhờ gia đình chăm sóc cho cháu Q, chị S không muốn về nên vợ chồng xảy ra khúc mắc, giữa năm 2020 anh Đ về gia đình, đi tìm việc, nhiều lần gọi điện cho chị S nhưng không nghe máy, sau đó chị S làm đơn ly hôn. Quan điểm của gia đình mong muốn vợ chồng anh Đ tự quyết ly hôn, nếu chị S kiên quyết ly hôn thì gia đình có nguyện vọng nuôi cháu Q vì hiện nay anh Đ và gia đình đang chăm sóc cho cháu. Vợ chồng anh Đ có một số tài sản chung nhưng anh chị đã tự giải quyết nhau.

Tại phiên tòa, chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Đ vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS. Tuy nhiên vụ án này do TAND huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu chuyển vụ án và Tòa án huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên thụ lý vụ án còn chậm, vi phạm Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn cơ bản thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định, tuy nhiên tại phiên tòa đều vắng mặt không có lý do, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện của chị S.

- Về tình trạng hôn nhân: Xử cho chị S ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Giao cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q đến tuổi thành niên. Buộc chị S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.000.000đ/tháng đến khi cháu Q thành niên. Chị S có quyền đi lại, thăm lom con chung không được ai ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

- Chị S phải chịu tiền án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Chị Hà Thị S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nghiêm Văn Kết Đ. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là anh Nghiêm Văn Kết Đ cư trú tại Ninh Đạo, Tân Phúc, Ân Thi, Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về việc kết hôn của chị S, anh Đ: Chị S, anh Đ xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ta Gia, Than Uyên, Lai Châu vào năm 2016, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị S, anh Đ là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị S xin ly hôn anh Đ sẽ áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo như lời khai của các đương sự thì mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc không tập trung kinh tế, tiền của ai người đó tự quản lý, chi tiêu, nghi ngờ việc không chung thủy, không tìm được tiếng nói chung trong việc về quê làm ăn, sinh sống đã dẫn đến nhiều khúc mắc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thời gian sống ly thân nhau đã được hơn một năm. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ vẫn thể hiện quan điểm mong muốn Đ tự nhưng bản thân anh không đưa ra được biện pháp cụ thể nào để tháo gỡ những mâu thuẫn đang tồn tại, làm thay đổi suy nghĩ của chị S trong khi đó chị S kiên quyết xin ly hôn anh vì tình cảm không còn, mâu thuẫn cũng đã quá trầm trọng. Trước sự kiên quyết của chị S anh Đ cũng đã nhất trí ly hôn. Điều đó cũng thể hiện rõ cuộc sống vợ chồng anh Đ, chị S tồn tại quá nhiều mâu thuẫn và cả hai bên đều không tự giải quyết được, thời gian không ăn ở cùng nhau cũng đã dài, hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và phù hợp với pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị S, anh Đ có 01 con chung Nghiêm Chí Q, sinh ngày 10/01/2017. Hai bên đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, điều đó đã phản ánh trung thực trách nhiệm của người bố, người mẹ đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện,

hoàn cảnh của từng bên, cả anh Đ, chị S đều có điều kiện nuôi con, tuy nhiên cháu Q về ở với ông bà nội và anh Đ từ giữa năm 2020 đến nay, việc nuôi dưỡng đảm bảo được cuộc sống tốt cho cháu, hơn nữa cháu Q cũng đã trên 36 tháng tuổi. Do vậy sẽ giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q đến khi thành niên, chị S có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Đ số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Q đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị S phải chịu án phí STDS theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81;82;83 của Luật HNGĐ; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Hà Thị S được ly hôn anh Nghiêm Văn Kết Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Nghiêm Chí Q sinh ngày 10/01/2017 cho anh Đ nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị S có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Đ số tiền 1.000.000đ/tháng, thời gian kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu Q đến tuổi thành niên. Chị S có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày anh Đ có đơn đề nghị thi hành án, nếu chị S không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị S phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000190 ngày 25/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Chị S còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- UBND xã Ta Gia, Than Uyên, Lai Châu;
- THADS;
- Lưu HS.

Lương Thị T